

Bản án số: /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/05/2024

*V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thị Ngân

Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham
gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/05/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh
Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số
546/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa
số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị B, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà E đường N, tổ A, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên
Giang.

2/ Bị đơn: Anh Phạm Thanh N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà E đường N, tổ A, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên
Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/11/2023 và các lời khai trong quá
trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đinh Thị B trình
bày: Tôi và anh N quen biết do mai mối, sau đó hai bên tìm hiểu nhau và tiến đến hôn
nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và
được UBND xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày
15/8/2011.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N đi ghe biển rồi chung sống với người phụ nữ khác khoảng 01 năm nay và từ đó đến nay không về thăm vợ con và không điện thoại về cho vợ con, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Anh N mới về nhà khoảng 10 ngày nay và nhậu nhẹt quây vợ con. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh N nên làm đơn xin ly hôn với anh N.

Chị B xác định anh N đi ghe biển khoảng 10 ngày vô 01 lần và có thể về nhà nhưng do anh N có vợ bé nên mới không về nhà.

- Về con chung: Chị B xác định có 02 người con chung tên Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 12/10/2007 và Phạm Thị Ngọc M, sinh ngày 25/11/2014, hiện con đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành, chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Chị B xác định hiện nay chị không có mang thai.

- Về tài sản chung: Chị B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Thanh N trình bày: Tôi thống nhất lời trình bày của chị B về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi bị bùa ngãi nên có chơi bời với người phụ nữ khác giống như ăn bánh trả tiền thời gian khoảng 05 tháng, trong thời gian này tôi không có liên hệ về gia đình, thời gian không liên hệ gia đình là 01 năm, giờ tôi tỉnh táo nên về xin lỗi vợ con và yêu cầu được hàn gắn, tôi cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 01 năm nay.

Anh N xác định anh đi ghe biển của nhà là sự thật, lý do anh không về nhà là do tiền bạc không có, sóng gió gặp khó khăn. Việc tôi về đây 10 ngày và nhậu nhẹt quây vợ con là không có.

Nay chị B làm đơn ly hôn với tôi, tôi yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị B vì hiện tại tôi còn thương vợ thương con, yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ.

- Về con chung: Anh N xác định có 02 người con chung tên Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 12/10/2007 và Phạm Thị Ngọc M, sinh ngày 25/11/2014, hiện con đang sống với chị B. Giả sử Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh N đồng ý giao 02 người con chung cho chị B chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N xác định hiện nay chị B không có mang thai.

- Về tài sản chung: Anh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Phạm Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ quy định các Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, việc chị B cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Cháu Phạm Thị Thanh T và Phạm Thị Ngọc M vẫn do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T1 để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu. Về vấn đề cấp dưỡng cũng như nợ chung, tài sản chung, chị B không yêu cầu xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị B khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với anh Phạm Thanh N. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Phạm Thanh N vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị B đồng ý xét xử vắng mặt anh N. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh N tự quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/8/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị B và anh N không còn yêu thương, quý trọng,

chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh N đi ghe biển rồi chung sống với người phụ nữ khác, vợ chồng có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 9/2022. Trong thời gian chị B, anh N sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh N là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh N.

Xét yêu cầu của anh N xin được hàn gắn đoàn tụ vì anh N còn thương chị B. Tòa án đã động viên để vợ chồng về hàn gắn đoàn tụ nhưng đến nay chị B và anh N vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai và tại phiên tòa chị B cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh N. Từ đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị B và anh N xác định có 02 người con chung tên Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 12/10/2007 và Phạm Thị Ngọc M, sinh ngày 25/11/2014, hiện con đang sống với chị B. Chị B và anh N thống nhất thỏa thuận giao 02 người con chung cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu T vào ngày 05/01/2023, nếu cha mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với mẹ. Như vậy, sự thỏa thuận của chị B và anh N phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên Hội đồng xét xử ghi nhận; riêng cháu M hiện tại cháu bị bệnh thiếu năng, hàng tháng đang được trợ cấp xã hội của nhà nước nên cháu T không tự trình bày nguyện vọng của mình được nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo ý kiến của cha mẹ bé giao cháu cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị B và anh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B và anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị B được ly hôn với anh Phạm Thanh N.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 12/10/2007 và Phạm Thị Ngọc M, sinh ngày 25/11/2014 cho chị Đinh Thị B chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị B và anh Phạm Thanh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Chị Đinh Thị B và anh Phạm Thanh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Đinh Thị B phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị B được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002938 ngày 15/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Thạch Sô Phép

